

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

Bản án số: 40/2022/DS-ST

Ngày: 26-12-2022

“ Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ tài sản trả lại đất và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thái Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Danh và ông Nguyễn Ngọc Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thục Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Ông Phan Văn Công - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2018/TLST-DS ngày 07/12/2018 về *“Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ tài sản trả lại đất và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: khu phố PT, phường Hòa HT, TX H, Phú Yên.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Q (tên gọi khác Nguyễn Thị H), sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: khu phố PT, phường Hòa HT, TX H, Phú Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Qn:

1. Ủy ban nhân dân Thị xã H (Vắng mặt).

2. Ông Đỗ Tấn T, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: khu phố PT, phường Hòa HT, TX H, Phú Yên.

3. Nguyễn Duy L, sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: khu phố PT, phường Hòa HT, TX H, Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 31/7/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thu T trình bày:* Vào ngày 20/8/2008 ông Đỗ Tấn T có lập giấy viết tay bán cho bà một diện tích đất 8 x 40m (thực tế chiều dài gần 33m) tại khu phố PT, phường Hòa HT, Thị xã H, tỉnh Phú Yên với giá 52.000.000đ. Trên cơ sở việc mua bán này bà đã tiến hành làm các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngày 20/6/2014 được UBND huyện H (nay là TX H) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 149093, số vào sổ CH 05036 diện tích 257,5m² thuộc thửa 257 tờ bản đồ 44 cho vợ chồng bà là Trần Thị Thu T, ông Nguyễn Duy L. Kể từ ngày mua đất đến khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà đã nhiều lần tiến hành rào, xây dựng nhà ở trên đất nhưng đều bị bà Nguyễn Thị Q cản trở, xây dựng quán trên đất của bà, do đó nay bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Q phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và buộc bà Q phải tháo dỡ nhà cửa xây dựng trên đất trả lại diện tích đất 257,5m² cho bà.

- *Tại đơn phản tố ngày 16/10/2018, văn bản ngày 21/6/2022 và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:* Bà (Nguyễn Thị Q) và ông Đỗ Tấn T đã ly hôn theo bản án số 19/2008/HNGĐ-ST ngày 10/10/2008 của Tòa án nhân dân huyện H. Quá trình ly hôn về tài sản chung của vợ chồng thỏa thuận tự phân chia, tại bản phân chia tài sản không ngày tháng năm 2008 bà và ông T thống nhất giao nhà đất tại thôn Phú Thọ, TT Hòa HT, TX H, Phú Yên cho 03 con sở hữu, sử dụng; tuy nhiên sau đó lợi dụng lúc bà và 03 con vào Sài Gòn làm ăn, ông T đã bán một phần đất cho bà Trần Thị Thu T mà không có sự đồng ý của bà. Sau đó ông T viết lại bản phân chia tài sản ngày 06/8/2008 với nội dung bà được nhận ngôi nhà diện tích 5 x 6m gắn liền diện tích đất 8 x 30m, còn ông T được nhận phần đất bên cạnh diện tích 8 x 30m và đe dọa buộc bà phải ký vào giấy thỏa thuận. Diện tích đất 257,5m² hiện bà T tranh chấp là tài sản chung chưa chia của bà và ông Đỗ Tấn T, do đó nay bà có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đỗ Tấn T và bà Nguyễn Thị Thu T, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 149093, số vào sổ CH 05036 mà UBND huyện H (nay là UBND Thị xã H) đã cấp vào ngày 20/6/2014 cho vợ chồng bà Trần Thị Thu T, ông Nguyễn Duy L đối với thửa 257 tờ bản đồ 44 diện tích 257,5m².

- *Tại các văn bản ngày 17/10/2022 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Qn ông Đỗ Tấn T trình bày:* Vào năm 2008 ông (Đỗ Tấn T) và bà Nguyễn Thị Q đã ly hôn, về tài sản chung của vợ chồng là diện tích đất (16x40)m tại khu phố PT, phường Hòa HT, Thị xã H, Phú Yên thì vợ chồng tự thỏa thuận chia mỗi người nhận một nửa diện tích đất là (8x30)m. Sau đó vào ngày 20/8/2008 ông có lập giấy viết tay bán cho bà Nguyễn Thị Thu T diện tích đất (8 x 40)m tại với giá 52.000.000đ. Nay bà Q tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với bà T và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện H đã cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Duy L, bà Nguyễn Thị Thu T thì ông không đồng ý, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

- Ủy ban nhân dân Thị xã H trình bày: Trên cơ sở hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Trần Thị Thu T và ông Nguyễn Duy L do UBND thị trấn Hòa HT cứ vào hồ sơ địa chính, Đơn chuyển nhượng (nay là phường Hòa HT) đất ở của ông Đỗ Tấn T, thẩm tra hồ sơ, xác định nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất, tình trạng tranh chấp về đất đai và tài sản gắn liền với đất để xác nhận hồ sơ và kết quả kiểm tra hồ sơ của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Trần Thị Thu T, ông Nguyễn Duy L là đúng quy định pháp luật. Do vậy, Ủy ban nhân dân Thị xã H không có cơ sở để thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp cho bà T, ông L, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xem xét, xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên Qn ông Nguyễn Duy L thống nhất như ý kiến trình bày của nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận nhưng không thành.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thu T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Nguyễn Thị Q không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và giữ nguyên yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Qn ông Nguyễn Duy L giữ nguyên ý kiến trình bày.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Q chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Thu T đối với diện tích 257,5m² thuộc thửa 257 tờ bản đồ 44 tại khu phố PT, phường Hòa HT, Thị xã H, Phú Yên. Buộc bà Nguyễn Thị Q phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất gồm: Một hồ cá diện tích (2,1 x 2,1)m, Một hồ cá xi măng diện tích (1 x 2,8)m, Mái tôn diện tích (2,1 x 6,7)m, Sàn bê tông diện tích (2,1 x 6,7)m. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Q về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị Thu T và ông Đỗ Tấn T và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 149093, số vào sổ CH 05036 do UBND huyện H (nay là Thị xã H) cấp ngày 20/6/2014 cho vợ chồng bà Trần Thị Thu T, Nguyễn Duy L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu T khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị Q yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, bị đơn bà Nguyễn Thị Q có đơn phản tố yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Trần Thị Thu T, ông

Nguyễn Duy L. Căn cứ quy định tại khoản 2, 3 Điều 26, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Qn Ủy ban nhân dân Thị xã H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà Nguyễn Thị Q và ông Đỗ Tấn T nguyên là vợ chồng và đã ly hôn theo Bản án số 19/2008/HNGĐ-ST ngày 10/10/2008 của Tòa án nhân dân huyện H (nay là Thị xã H). Tại nội dung quyết định của bản án về tài sản chung bà Q, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Trước thời điểm ly hôn vợ chồng ông T, bà Q có tài sản chung là nhà đất tại khu phố PT, phường Hòa HT, Thị xã H, Phú Yên. Ngày 20/8/2008, ông Đỗ Tấn T lập Giấy chuyển nhượng đất (viết tay) chuyển nhượng ½ diện tích đất thuộc tài sản chung cho bà Trần Thị Thu T. Vợ chồng bà Trần Thị Thu T, ông Nguyễn Duy L làm hồ sơ và đã được Ủy ban nhân dân huyện H (nay là Thị xã H) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 149093, vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 05036 ngày 20/6/2014 tại thửa số 257, tờ bản đồ 44, diện tích 257,5m², loại đất trồng cây hàng năm khác.

[5] Theo biên bản xác minh ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, Ủy ban nhân dân phường Hòa HT cung cấp: Theo sổ mục kê năm 1999, đất của ông T, bà Q không kê khai thuộc đất chưa giao do địa phương quản lý thuộc thửa 48, diện tích 665m². Theo bản đồ 2010, tách thành hai thửa. Theo sổ mục kê năm 2015, bà Nguyễn Thị Q kê khai diện tích đất 249,5m², đất ODT (đất ở) thuộc thửa 197 tờ bản đồ 44; ông Nguyễn Duy L kê khai diện tích đất 257,5m², đất HNK (đất trồng cây hàng năm) thuộc thửa 257 tờ bản đồ 44.

[6] Diện tích đất 257,5m² có giới cận: Nam giáp đường đi, Tây giáp đất nhà bà Q, Đông giáp đất ông Nhựt, Bắc giáp nhà ông Gừng, có giá trị 2.381.875.000đ hiện do vợ chồng bà Trần Thị Thu T, ông Nguyễn Duy L đứng tên được xác định là ½ đất, nhà tại khu phố PT, phường Hòa HT, Thị xã H, Phú Yên thuộc tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Đỗ Tấn T, bà Nguyễn Thị Q.

Bà Nguyễn Thị Q tranh chấp, cản trở việc sử dụng đất của vợ chồng bà T, ông L và cho rằng ông Đỗ Tấn T đã thỏa thuận để lại toàn bộ nhà đất cho 03 con chung, nhưng sau đó thay đổi ý kiến tự viết “*Biên bản thỏa thuận phân chia tài sản*” ghi ngày 06/8/2008. Vì bị ông T ép buộc, đe dọa nên bà Q mới ký vào biên bản thỏa thuận, sau đó ông T tự ý chuyển nhượng đất là tài sản chung cho bà T mà không có ý kiến của bà Q là không đúng nên yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đỗ Tấn T và bà Trần Thị Thu T, hủy Giấy chứng nhận cấp cho vợ chồng bà T, ông L và buộc vợ chồng bà T, ông L trả lại đất cho bà Q.

[7] Theo Biên bản thỏa thuận phân chia tài sản (viết tay) ngày 06/8/2008, giữa ông Đỗ Tấn T và bà Nguyễn Thị Q thỏa thuận phân chia tài sản như sau: Giao cho bà Nguyễn Thị Q được sở hữu ngôi nhà cấp 4 có diện tích (5 x 6)m trên diện tích đất (8 x 30)m có giới cận: Nam giáp đường đi, Tây giáp nhà ông Lê, Bắc giáp nhà ông Gùng, Đông giáp đất giao cho ông T; Giao cho ông Đỗ Tấn T được quyền sử dụng diện tích đất (8 x 30)m có giới cận: Nam giáp đường đi, Tây giáp đất nhà giao cho bà Q, Đông giáp đất ông Nhựt, Bắc giáp nhà ông Gùng.

Trên cơ sở sự thỏa thuận, ngày 20/8/2008 ông Đỗ Tấn T lập giấy chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất được phân chia cho bà Trần Thị Thu T. Mặc dù hợp đồng không được công chứng chứng thực và không có chữ ký của bà Nguyễn Thị Q tuy nhiên đến nay ông T và bà Q đã ly hôn, ông T bán đất cho bà T trên cơ sở sự thỏa thuận phân chia tài sản giữa ông T và bà Q. Mặc dù bà Q cho rằng bị ông T đe dọa nhưng không có chứng cứ nào chứng minh, đồng thời việc bán đất của ông T không xâm phạm đến quyền về tài sản chung của bà Q bởi thực tế hiện nay bà Q đang quản lý sử dụng ½ tài sản chung là nhà gắn liền diện tích đất ở 249,5m² thuộc thửa 197 tờ bản đồ 44 và hợp đồng chuyển nhượng giữa ông T và bà T đã thực hiện xong, đến nay ông T không có ý kiến gì. Do đó, không có căn cứ hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đỗ Tấn T và bà Trần Thị Thu T.

[8] Tại thời điểm lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất không có tranh chấp và trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Đỗ Tấn T và bà Trần Thị Thu T nên vợ chồng ông Nguyễn Duy L, bà Trần Thị Thu T được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng theo quy định pháp luật về đất đai nên không có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Q về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đỗ Tấn T và bà Trần Thị Thu T, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 149093, vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 05036 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 20/6/2014 cho vợ chồng ông Nguyễn Duy L, bà Trần Thị Thu T tại thửa số 257, tờ bản đồ 44, diện tích 257,5m², loại đất trồng cây hàng năm khác.

Từ những phân tích có căn cứ nhận định quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Thu T, ông Nguyễn Duy L là hợp pháp nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị Thu T, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Q chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của nguyên đơn.

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 01/6/2022 trên đất tranh chấp có tài sản do bà Q xây dựng xây dựng lấn sang đất bà T sau thời điểm bà T nhận chuyển nhượng vào năm 2020 gồm: Một hồ cá diện tích (2,1 x 2,1)m giá trị 667.750đ, một hồ cá xi măng diện tích (1 x 2,8)m giá trị 494.198đ, mái tôn và sàn bê tông diện tích diện tích (2,1 x 6,7)m giá trị 5.149.620đ, một cây măng cầu nhỏ 50.000đ, tổng giá trị: 6.361.568đ do đó cần buộc bà Q phải tháo dỡ toàn bộ tài sản trên trả lại diện tích đất 257,5m² cho bà Trần Thị Thu T. Tại phiên tòa bà T tự

nguyện hỗ trợ số tiền tháo dỡ tài sản, cây trồng cho bà Q là 6.361.568đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu số tiền 6.000.000đ. Bà Trần Thị Thu T đã nộp tạm ứng 6.000.000đ nên bà Nguyễn Thị Q phải trả lại cho bà Trần Thị Thu T số tiền 6.000.000đ.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Nguyễn Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu phản tố không được chấp nhận tuy nhiên bà Q là hộ cận nghèo theo giấy chứng nhận số 447/GCN-HN.HCN ngày 14/3/2017 của UBND Thị trấn Hòa HT (nay là phường Hòa HT) nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí cho bà Q.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 219, 226, 688, 697 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 166, 169 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 50 Luật đất đai 2003, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T.

Buộc bà Nguyễn Thị Q giao trả cho bà Trần Thị Thu T diện tích 257,5m² có giới cận: Nam giáp đường đi, Tây giáp đất nhà bà Q, Đông giáp đất ông Nhựt, Bắc giáp nhà ông Gừng thuộc thửa 257 tờ bản đồ 44 tại khu phố PT, phường Hòa HT, Thị xã H, Phú Yên và buộc bà Nguyễn Thị Q phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Thu T đối với diện tích đất nêu trên.

Buộc bà Nguyễn Thị Q phải tháo dỡ toàn bộ tài sản xây dựng, cây trồng trên đất gồm: Một hồ cá diện tích (2,1 x 2,1)m, một hồ cá xi măng diện tích (1 x 2,8)m, mái tôn diện tích (2,1 x 6,7)m, sàn bê tông diện tích (2,1 x 6,7)m, một cây măng cầu nhỏ.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Thu T hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Q số tiền giá trị tài sản tháo dỡ là 6.361.568đ (*Sáu triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn, năm trăm sáu mươi T đồng*).

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Q về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 20/8/2008 giữa ông Đỗ Tấn T và bà Trần Thị Thu T và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 149093, số vào sổ CH 05036 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 20/6/2014 cho vợ chồng bà Trần Thị Thu T, ông Nguyễn Duy L đối với thửa 257 tờ bản đồ 44 diện tích 257,5m² vì không có căn cứ.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*). Bà Trần Thị Thu T đã nộp tạm ứng 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) nên bà Nguyễn Thị Q phải trả lại cho bà Trần Thị Thu T số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*).

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Trần Thị Thu T số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009042 ngày 07/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã H.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Q. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Q số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000860 ngày 26/5/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thái Lan

